

Số: 344 /BC-CTKTTL

Ninh Thuận, ngày 15 tháng 9 năm 2021

BÁO CÁO MỤC TIÊU TỔNG QUÁT, KẾ HOẠCH KINH DOANH NĂM 2022

I. MỤC TIÊU TỔNG QUÁT VÀ NHIỆM VỤ KẾ HOẠCH

1. Mục tiêu tổng quát

Cung cấp sản phẩm dịch vụ công ích, thiết yếu cho an sinh xã hội, an ninh quốc phòng, làm nòng cốt để nhà nước định hướng, điều tiết nền kinh tế và ổn định kinh tế vĩ mô.

Nâng cao hiệu quả quản lý các hệ thống thủy lợi phục vụ tái cơ cấu ngành nông nghiệp theo hướng nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững, đáp ứng yêu cầu phát triển của các ngành thành phần kinh tế khác; nâng cao năng lực phòng chống thiên tai và ứng phó với biến đổi khí hậu.

Coi trọng chiến lược phát triển thủy lợi nhằm phục vụ tốt cho sản xuất nông, lâm, ngư nghiệp, nước sinh hoạt, công nghiệp, chăn nuôi và dân sinh kinh tế. Đảm bảo an ninh, ổn định nguồn nước trước sức ép gia tăng dân số, ô nhiễm môi trường, những biến động bất lợi của thời tiết, nâng cao đời sống của nhân dân hưởng lợi từ các công trình thủy lợi, duy trì và cải thiện môi trường sinh thái, góp phần chống hạn trong mùa khô và chống lũ trong mùa mưa.

2. Nhiệm vụ kế hoạch

Kế hoạch năm 2022, Công ty phấn đấu hoàn thành các chỉ tiêu chính như sau:

- Diện tích tưới đạt 73.993 ha

Trong đó:

+ Diện tích được ngân sách hỗ trợ tiền sử dụng sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi: 73.502 ha. Công ty đã được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 1377/QĐ-UBND ngày 20/7/2021 về việc phê duyệt diện tích sử dụng sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi kế hoạch năm 2022 và biện pháp tưới, tiêu của từng hệ thống công trình thủy lợi do Công ty TNHH MTV khai thác công trình thủy lợi quản lý.

+ Diện tích phải thu tiền sử dụng sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi: 491 ha. Diện tích này dựa trên kế hoạch hợp đồng tưới hàng năm với các Công ty giống cây trồng và trung tâm sản xuất giống cây trồng.

- Khối lượng nước cung cấp cho các đơn vị sản xuất nước sạch, sản xuất công nghiệp và dịch vụ đạt 22.405.266 (m³/năm).

- Tổng doanh thu kế hoạch đạt 84.780 triệu đồng.

Trong đó:

+ Doanh thu sản phẩm dịch vụ công ích thủy lợi được ngân sách cấp đạt 62.845 triệu đồng.

+ Doanh thu sản phẩm dịch vụ công ích thủy lợi không được hỗ trợ 431 triệu đồng.

+ Doanh thu từ cung cấp sản phẩm dịch vụ thủy lợi khác: 21.004 triệu đồng.

+ Doanh thu khác: 500 triệu đồng

- Lợi nhuận trước thuế đạt 4.630 triệu đồng.

- Các khoản phát sinh phải nộp ngân sách nhà nước đạt 2.143 triệu đồng.

II. KẾ HOẠCH KINH DOANH VÀ ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN NĂM 2022

1. Kế hoạch sản xuất kinh doanh

1.1. Kế hoạch chỉ tiêu sản lượng chính

1.1.1. Kế hoạch cung cấp sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi

Dựa trên điều kiện thời tiết bình thường; căn cứ vào nguồn nước xả của nhà máy thủy điện Đa Nhim trên sông Cái Phan Rang và lượng nước tích được trong các hồ chứa như Sông Sắt, Sông Trâu, Tân Giang, Sông Biêuvà một số hệ thống khác do Công ty quản lý; dựa trên hợp đồng ký kết với các đơn vị dùng nước và Quyết định số 1377/QĐ-UBND ngày 20/7/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Thuận về việc phê duyệt diện tích sử dụng sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi kế hoạch năm 2022 và biện pháp tưới, tiêu của từng hệ thống công trình thủy lợi do Công ty TNHH MTV Khai thác công trình thủy lợi Ninh Thuận quản lý. Diện tích cụ thể:

- Tổng Diện tích tưới năm 2022: 73.993 ha, tăng 1.344 ha (tăng 2%) so với diện tích ước thực hiện năm 2021.

Trong đó: Diện tích được ngân sách hỗ trợ tiền sử dụng sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi: 73.502 ha. Công ty đã được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 1377/QĐ-UBND ngày 20/7/2021 về việc phê duyệt diện tích sử dụng sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi kế hoạch năm 2022 và biện pháp tưới, tiêu của từng hệ thống công trình thủy lợi do Công ty TNHH MTV khai thác công trình thủy lợi quản lý.

Diện tích phải thu tiền sử dụng sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi: 491 ha. Diện tích này dựa trên kế hoạch hợp đồng tưới hàng năm với các Công ty giống cây trồng và trung tâm sản xuất giống cây trồng.

1.1.2. Kế hoạch cung cấp sản phẩm, dịch vụ thủy lợi khác

Đối với dịch vụ cung cấp nước cho các đơn vị sản xuất công nghiệp, sinh hoạt năm 2022. Công ty dự kiến tiếp tục ký hợp đồng cung cấp nước với 20 đơn vị với sản lượng tiêu thụ khoảng 22.405.266 (m³/năm). Đồng thời, Công ty tiếp tục ký kết hợp đồng sử dụng nước từ công trình thủy lợi để kết hợp phát điện với doanh thu dự kiến 1.800 triệu đồng.

1.2. Kế hoạch sản xuất kinh doanh cả năm

1.2.1. Kế hoạch doanh thu năm 2022: 84.780 triệu đồng

Trong đó:

- Doanh thu được ngân sách hỗ trợ tiền sử dụng, sản phẩm dịch vụ công ích thủy lợi): 62.845 triệu đồng. Giảm 2.760 triệu đồng (giảm 4%) so với doanh thu ước thực hiện năm 2021.

Về việc tính doanh thu hỗ trợ tiền sử dụng sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi năm 2022 thực hiện theo Nghị định số 96/2018/NĐ-CP ngày 30/06/2018 của Chính phủ; Quyết định số 1050a/QĐ-BTC ngày 30/06/2018 của Bộ Tài chính, Quyết định số 08/2019/QĐ-UBND ngày 28/01/2019 và Công văn số 3484/UBND-KTTH ngày 14/7/2021 của UBND tỉnh Ninh Thuận. Công ty đã được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 1504/QĐ-UBND ngày 02/8/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc Phê duyệt dự toán kinh phí hỗ trợ tiền sử dụng sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi năm 2022 cho Công ty TNHH MTV Khai thác công trình thủy lợi Ninh Thuận.

Giảm do chuyển một số khu vực miền núi trên địa bàn tính theo Quyết định số 861/QĐ-TTg ngày 06/4/2021 của Chính phủ (ban hành thay thế cho Quyết định số 582/QĐ-TTg ngày 28/4/2017 của Chính phủ) làm giảm doanh thu của năm 2022.

- Doanh thu từ việc cung cấp sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi thuộc đối tượng không được hỗ trợ tiền sử dụng và doanh thu cung cấp sản phẩm dịch vụ thủy lợi khác: 21.435 triệu đồng. Tăng 1.779 triệu đồng (tăng 9%) so với doanh thu ước thực hiện năm 2021.

Gồm có:

+ Doanh thu tiền sử dụng sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi (diện tích không được hỗ trợ): 431 triệu đồng.

+ Doanh thu cung cấp sản phẩm dịch vụ thủy lợi khác: 21.004 triệu đồng.

Tổng doanh thu tiền sử dụng sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi (diện tích không được hỗ trợ) và cung cấp sản phẩm dịch vụ thủy lợi khác tính theo Nghị định số 96/2018/NĐ-CP ngày 30/06/2018 của Chính phủ và theo đơn giá Quyết định số 134/2017/QĐ-UBND ngày 11/12/2017 của UBND tỉnh Ninh Thuận trong đó thuế GTGT phải nộp theo thuế suất là 5% và 10% theo từng loại hình dịch vụ cung cấp nước theo luật thuế GTGT.

Đồng thời, Công ty tiếp tục ký kết hợp đồng sử dụng nước từ công trình thủy lợi để kết hợp phát điện từ hệ thống thủy lợi đập dâng Tân Mỹ, với doanh thu dự kiến 1.800 triệu đồng.

- Doanh thu khác: 500 triệu đồng

Doanh thu khác là khoản doanh thu từ lãi tiền gửi ngân hàng và các khoản thu khác. Ghi nhận theo thực tế thực hiện.

1.2.2. Kế hoạch chi phí năm 2022: 80.150 triệu đồng

- Chi phí sửa chữa thường xuyên công trình: 30.900 triệu đồng. Giảm 5.100 triệu đồng (giảm 14%) so với ước thực hiện năm 2021. Chia ra:

+ Chi phí sửa chữa thường xuyên công trình dưới 50 triệu: 4.000 triệu đồng.

+ Chi phí sửa chữa thường xuyên công trình trên 50 triệu: 26.900 triệu đồng.

Gồm:

Chi phí công trình danh mục kế hoạch thực hiện mới: 26.250 triệu đồng.

Chi phí công trình phân bổ của năm trước: 650 triệu đồng

- Chi lương và các khoản phụ cấp: 25.500 triệu đồng. Tăng 200 triệu đồng (tăng 1%) so với ước thực hiện năm 2021. Trong đó:

+ Quỹ lương kế hoạch của người lao động: 24.000 triệu đồng

Quỹ lương của người lao động Công ty được tính theo quy định của Nghị định 51/2016/NĐ-CP, Thông tư 26/2016/TT-BLĐTBXH và dựa trên tổng mức tiền lương theo hợp đồng kế hoạch.

+ Quỹ lương kế hoạch của người quản lý: 1.500 triệu đồng

Quỹ lương của người quản lý được tính theo quy định tại Nghị định 52/2016/NĐ-CP và Thông tư 27/2016/TT-BLĐTBXH

- Chi phí khấu hao TSCĐ: 1.350 triệu đồng. Tăng 130 triệu đồng (tăng 11%) so với ước thực hiện năm 2021.

TSCĐ hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng để trừ dần vào nguyên giá TSCĐ theo thời gian hữu dụng ước tính, phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính về hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao TSCĐ. Riêng TSCĐ là các công trình hệ thống kênh mương, hồ đập,... Công ty không trích khấu hao theo hướng dẫn tại Thông tư số 147/2016/TT-BTC ngày 13/10/2016 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định và Thông tư 73/2018/TT-BTC ngày 15/8/2018 của Bộ Tài chính.

- Chi phí quản lý: 4.400 triệu đồng. Tăng 400 triệu đồng (tăng 10%) so với ước thực hiện năm 2021.

Căn cứ Quyết định số 357/2007/QĐ-UBND ngày 27/12/2007 của Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Thuận về việc ban hành định mức kinh tế kỹ thuật trong công tác quản lý khai thác các công trình thủy lợi của Công ty TNHH MTV Khai thác công trình thủy lợi Ninh Thuận là chi phí quản lý bằng 23,36% tổng quỹ lương. Nhưng Công ty tiết kiệm chi phí quản lý nên kế hoạch chi phí quản lý 4.400 triệu đồng.

Do các chi phí tăng như tiền thuê đất tăng, lao động tăng và tăng do trượt giá từng năm.

- Chi phí ăn ca: 2.750 triệu đồng. Tăng 370 triệu đồng (tăng 16%) so với ước thực hiện năm 2021.

Tăng do Công ty tiếp nhận bàn giao thêm một số công trình hồ đập, trong đó có hệ thống thủy lợi đập dâng Tân Mỹ, do đó số lượng cán bộ công nhân sẽ bổ sung tăng thêm để quản lý các công trình này. Dự kiến tổng số lao động kế hoạch là 316 người, trong đó lao động tăng thêm dự kiến 43 người.

- Chi phí BHXH, BHYT, KPCĐ, BHTN: 5.780 triệu đồng. Tăng 780 triệu đồng (tăng 16%) so với ước thực hiện năm 2021.

Trong đó:

Lương cơ bản đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, thất nghiệp dự kiến đóng theo hợp đồng lao động. Công ty trích nộp tổng cộng cho người lao động là 23,5% (gồm BHXH : 17,5%; BHYT: 3%; BHTN: 1%; KPCĐ : 2%).

Tăng do dự kiến tổng số lao động kế hoạch là 316 người, trong đó lao động tăng thêm dự kiến 43 người.

- Chi phí nguyên, nhiên, vật liệu vận hành công trình: 350 triệu đồng. Tăng 80 triệu đồng (tăng 30%) so với ước thực hiện năm 2021.

Thực hiện Quyết định số 357/QĐ-UBND về định mức chi phí nguyên, nhiên, vật liệu để bảo dưỡng vận hành công trình gồm dầu, mỡ, sơn dùng để bôi trơn chống gỉ sét để bảo dưỡng cho các công trình phục vụ cho việc tưới, tiêu nước trên tất cả các hệ thống công trình hồ, đập, kênh mương do Công ty quản lý nằm trên 7 Huyện và Thành phố của tỉnh.

Tăng do Công ty tiếp nhận bàn giao thêm một số công trình hồ đập, trong đó có hệ thống thủy lợi đập dâng Tân Mỹ.

- Chi phí trả tiền điện các trạm bơm: 4.000 triệu đồng. Tăng 150 triệu đồng (tăng 4%) so với ước thực hiện năm 2021.

Thực hiện theo Quyết định 357/QĐ-UBND; Quyết định 4545/QĐ-UBND về việc ban hành định mức kinh tế kỹ thuật trong công tác khai thác công trình thủy lợi và giá điện bình quân tháng 6/2021 làm căn cứ để tính.

- Chi phí đào tạo: 350 triệu đồng. Tăng 200 triệu đồng (tăng 133%) so với ước thực hiện năm 2021.

Dự kiến chi phí tổ chức học nâng cao tay nghề cho công nhân, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ, và các chi phí học tập khác để bồi dưỡng nâng cao năng lực trình độ quản lý cho cán bộ công nhân viên.

Tăng do tình hình dịch Covid-19 trong năm 2021 diễn biến phức tạp nên ước thực hiện năm 2021 thấp, vì Công ty không tổ chức các lớp tập huấn, đào tạo như nâng bậc lương cho người lao động được.

- Chi phí làm thêm giờ: 1.200 triệu đồng. Tăng 300 triệu đồng (tăng 33%) so với ước thực hiện năm 2021.

Tăng do lượng lao động tăng thêm dự kiến 43 người.

Các khoản chi phí dùng để chi trả cho cán bộ công nhân quản lý phân phiên điều tiết nước ngoài giờ phục vụ công tác phòng chống hạn, phòng chống lụt bão hàng năm.

(Thực hiện theo thông tư số 08/2005/TTLT-BNV-BTC ban hành ngày 05 tháng 01 năm 2005 về việc hướng dẫn thực hiện chế độ trả lương làm việc vào ban đêm, làm thêm giờ.)

- Chi phí trang phục và bảo hộ an toàn lao động: 2.500 triệu đồng. Tăng 500 triệu đồng (tăng 250%) so với ước thực hiện năm 2021.

Tăng do lượng lao động tăng thêm dự kiến 43 người.

Chi phí trang phục và bảo hộ lao động theo quy định của Thông tư 178/2014/TT-BTC ngày 18/6/2014 của Bộ Tài chính.

- Chi mua sắm trang thiết bị dụng cụ: 600 triệu đồng. Tăng 50 triệu đồng (tăng 9%) so với ước thực hiện năm 2021.

Tăng do cần mua thêm trang thiết bị, dụng cụ quản lý cho lượng lao động tăng thêm dự kiến 43 người.

Chi phí dùng để mua trang bị các dụng cụ đồ dùng quản lý cho Công ty, nhằm nâng cao năng lực hoạt động đem lại hiệu quả trong công việc.

- Chi phí thù lao kiểm soát viên không chuyên trách: 50 triệu đồng. Giảm 2 triệu đồng (giảm 4%) so với ước thực hiện năm 2021.

Chi phí thù lao của kiểm soát viên không chuyên trách được tính toán chi tiết theo Nghị định số 52/2016/NĐ-CP.

- Chi phí phòng chống thiên tai đột xuất: 200 triệu đồng. Bằng với ước thực hiện năm 2021

~~Ninh Thuận là tỉnh thừa nắng thiếu mưa, điều kiện thời tiết phức tạp nên việc khô hạn là điều khó tránh khỏi, hàng năm việc hạn hán thiếu nước thường xảy ra từ tháng 2 đến tháng 8 hàng năm, lượng nước chứa trong các hồ thường xuống dưới mực nước chết, nên việc điều tiết phục vụ sản xuất, dân sinh là phải dùng rất nhiều giải pháp để chống hạn. Nên Công ty dự kiến chi phí chống hạn cho 7 Huyện và Thành phố mỗi đơn vị ước tính khoảng 30 triệu đồng cho một năm.~~

- Chi phí khác: 220 triệu đồng. Tăng 20 triệu đồng (tăng 10%) so với ước thực hiện năm 2021.

Gồm các khoản chi phí khác chưa được tính đến trong các khoản mục chi phí trên.

1.2.3. Kế hoạch Lợi nhuận trước thuế: 4.630 triệu đồng. Tăng 241 triệu đồng (tăng 5%) so với ước thực hiện năm 2021.

Công ty hoạt động không vì mục tiêu lợi nhuận nên chỉ tiêu lợi nhuận Công ty xây dựng trên cơ sở mức trích tối thiểu, dùng trích các quỹ theo quy định tại Nghị định 91/2015/NĐ-CP, Thông tư 73/2018/TT-BTC ngày 15/8/2018 của Bộ Tài Chính và để duy trì hoạt động của Công ty. Và theo Quyết định số 907/QĐ-UBND ngày 18/5/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Thuận về việc phê duyệt Kế hoạch sản xuất kinh doanh và đầu tư phát triển 05 năm giai đoạn (2021-2025) tại Công ty TNHH MTV Khai thác công trình thủy lợi Ninh Thuận.

1.2.4. Kế hoạch Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước năm 2022: 2.143 triệu đồng. Tăng 188 triệu đồng (tăng 10%) so với ước thực hiện năm 2021.

Các khoản nộp tiền thuê đất, thuế giá trị gia tăng, thuế tài nguyên nước và doanh thu sản phẩm dịch vụ thủy lợi khác và các khoản phải nộp khác.

Do Công ty thuộc diện đơn vị trực tiếp phục vụ sản xuất nông nghiệp nên được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp theo Thông tư 78/2014/TT-BTC của Bộ Tài chính ban hành (đối với khoản doanh thu cung cấp sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi).

1.2.5. Kế hoạch chi từ các quỹ

Chi Quỹ đầu tư phát triển: kế hoạch năm 2022 Công ty dự kiến chi Quỹ đầu tư phát triển 1.395 triệu đồng. Công ty để tu sửa, nâng cấp, làm mới các nhà quản lý do Công ty quản lý.

Chi Vốn tự có (vốn khấu hao): kế hoạch năm 2022 Công ty dự kiến chi Vốn tự có (vốn khấu hao) 1.000 triệu đồng. Công ty để Mua xe phục vụ công tác sản xuất kinh doanh và phòng chống thiên tai.

BẢNG CÁC CHỈ TIÊU SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2022

TT	Các chỉ tiêu	Đơn vị tính	Chỉ tiêu kế hoạch
1	Các chỉ tiêu sản lượng chính		
a)	Diện tích tưới tiêu	Ha	73.993
b)	Cấp nước thô	M3	22.405.266
c)	Cấp nước kết hợp cấp điện	Tỷ đồng	1,8
2	Chỉ tiêu sản phẩm, dịch vụ công ích	Ha	73.993
a)	Diện tích hỗ trợ tiền sử dụng sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi	Ha	73.502
b)	Diện tích phải thu tiền sử dụng sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi	Ha	491
3	Tổng doanh thu	Tỷ đồng	84,780
a)	Doanh thu được TW hỗ trợ tiền sử dụng sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi	Tỷ đồng	62,845
b)	Doanh thu tiền sử dụng sản phẩm, dịch vụ thủy lợi không được hỗ trợ	Tỷ đồng	21,435
	<i>- Thu tiền sử dụng sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi không được hỗ trợ</i>	Tỷ đồng	<i>0,431</i>
	<i>- Thu tiền sử dụng sản phẩm, dịch vụ thủy lợi khác (Khai thác tổng hợp dịch vụ thủy lợi)</i>	Tỷ đồng	<i>21,004</i>
c)	Doanh thu khác	Tỷ đồng	0,5
4	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	4,630
5	Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	4,324
6	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	Tỷ đồng	2,143
7	Kế hoạch chi từ các quỹ	Tỷ đồng	2,395
	Quỹ đầu tư phát triển	Tỷ đồng	1,395
	Vốn tự có (vốn khấu hao)	Tỷ đồng	1

2. Kế hoạch đầu tư của doanh nghiệp trong năm (tên dự án nhóm B trở lên, nguồn vốn, tổng mức đầu tư...): Không.

(Đính kèm kế hoạch tài chính năm 2022)

Nơi nhận: 

- Bộ Kế hoạch và đầu tư;
- UBND tỉnh;
- Sở Thông tin & TT;
- Sở Tài chính;
- Sở NN&PTNT;
- Cổng thông tin điện tử của công ty;
- KSV, BGĐ công ty;
- Phòng TC-HC (T/h công bố thông tin);
- Phòng Tài vụ;
- Lưu: VT, KHKT. HTT

CHỦ TỊCH CÔNG TY



Nguyễn Công Xung